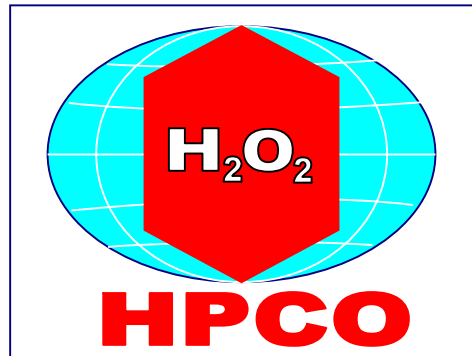


CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022

Bắc Giang – 2023

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
Tên tiếng Anh:	HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HPCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp:	Số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27/10/2022.
Vốn điều lệ:	84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	8.400.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính:	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại:	0204 3526 066
Số fax:	0204 3526 066
Website:	http://hungphathabac.com.vn
Mã chứng khoán:	HPH

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000297 ngày 01/02/2008 thay đổi lần 5 ngày 27/10/2022 với mức vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng.

Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập, trong đó Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc) nắm cổ phần chi phối. Mục tiêu thành lập và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư sản xuất và cung cấp Hydrogen Peroxide có công thức hóa học là H_2O_2 , còn gọi là ô xy già sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất giấy, dệt, điện tử, xử lý môi trường,...sau 15 năm thành lập, đến nay sản phẩm ô xy

già của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã tạo lập thương hiệu trên thị trường với hệ thống các nhà phân phối được hình thành rộng khắp cả nước.

Các sự kiện khác:

Ngày 02/03/2023 Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc không còn là Công ty nắm cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 . Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh Ôxy già (H_2O_2) và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27/10/2022.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Định....

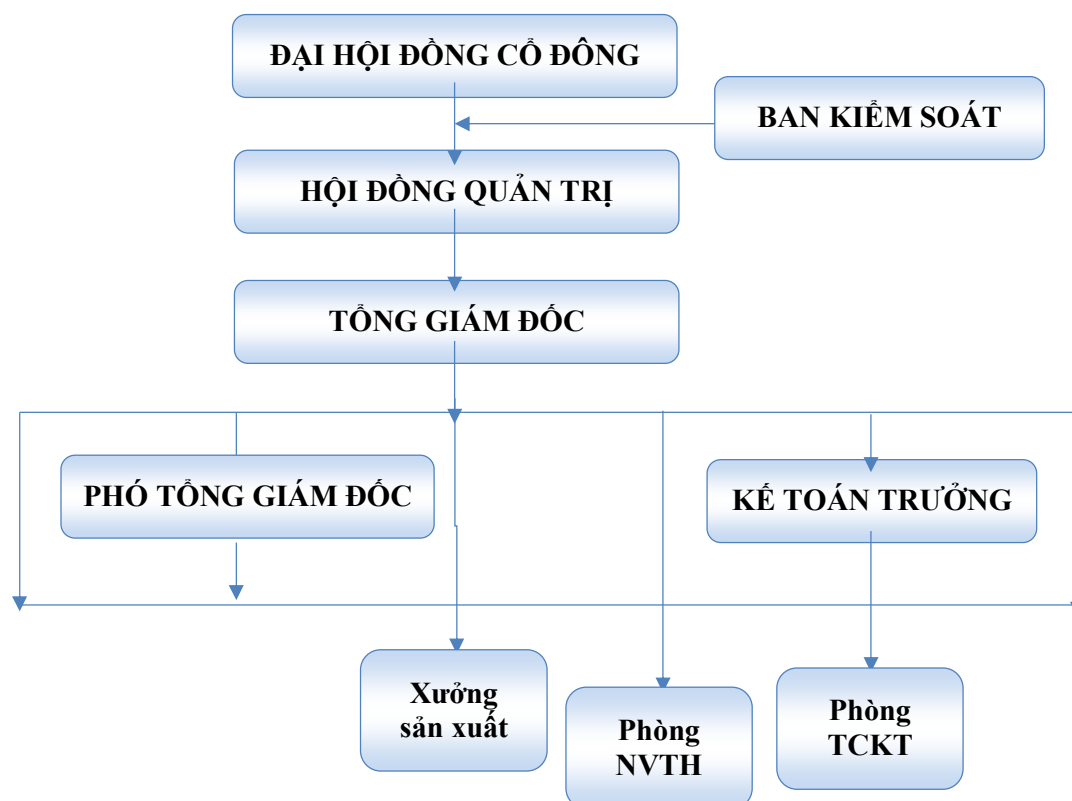
Miền Bắc: Thành Phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Hà, Thái Nguyên....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc thiết lập cơ cấu tổ chức và quản trị theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, quyết định phương thức hoạt động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và các quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.4. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Công ty là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc, được Tổng giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc về lĩnh vực công việc được phân công:

- Theo dõi quản lý kỹ thuật, quy trình công nghệ sản xuất của Công ty;
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đề xuất các quy trình công nghệ mới;
- Chỉ đạo trực tiếp Xưởng sản xuất H₂O₂.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan tới công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty.

4.5. Các phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xưởng sản xuất

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu

trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các lĩnh vực: quản lý Kế hoạch, Vật tư và Đầu tư; Tổ chức, quản lý lao động tiền lương và giải quyết các chế độ cho người lao động, Hành chính quản trị, Bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ; công tác tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường.

Phòng Tài chính – Kế toán

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực Tài chính - Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.

Xưởng sản xuất

Chức năng: Xưởng sản xuất H₂O₂ là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng tiếp nhận nguyên vật liệu, năng lượng, quản lý nhân sự và vận hành thiết bị của dây chuyền để sản xuất sản phẩm H₂O₂ theo kế hoạch đã được Tổng giám đốc công ty phê duyệt.

➤ **Danh sách công ty mẹ của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có.

➤ **Danh sách công ty con của CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có.

➤ **Danh sách những công ty mà CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có.

➤ **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Tên	Địa chỉ	Số CMND/CC CD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Trương Thị Lan Anh	Vinhomes Riverside	013179956	4.600.000	54,76%

5. Định hướng phát triển:

➤ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường.

- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý; làm chủ thiết bị công nghệ để phát triển trở thành doanh nghiệp có thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực Ôxy già.

- Duy trì hệ thống nhà phân phối hiện tại, tiếp cận mở rộng thêm các khách hàng tiêu dùng trực tiếp. Xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng, tập trung tiêu thụ khu vực phía Bắc và nâng dần tỷ trọng Ôxy già nồng độ loãng.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định. Thực hiện chương trình cải tiến thiết bị, công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nhằm sản xuất sạch hơn.

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Cán bộ nhân viên và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

Rủi ro đặc thù

Nguyên liệu chính để sản xuất ô xy già của Công ty là khí thải Hydro (H₂) từ quá trình tổng hợp Amoniac của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, đây là một thế mạnh của Công ty nhưng cũng là một rủi ro đặc thù vì nếu Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc ngừng máy sửa chữa hoặc khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất thì Dây chuyền sản xuất ô xy già của Công ty sẽ phải ngừng hoạt động do không có nguồn khí tinh luyện (H₂) cung cấp cho sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Đính kèm Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả SX-KD năm 2022; mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023)

2. Tổ chức và nhân sự:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tổng Luận	Tổng Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Thân Thị Hà	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp
Ông Hoàng Văn Hùng	Giám đốc Xưởng sản xuất

(1) Nguyễn Tổng Luận – Tổng giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Tổng Luận
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	30/01/1961
Nơi sinh	Xã An Bình - Huyện Thuận Thành - Bắc Ninh
CMND/ Hộ chiếu	027061004868
Ngày cấp/Ngày hết hạn	15/09/2021
Nơi cấp	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 18- Tổ 18- - Phường Trần Nguyên Hãn - TP Bắc Giang- Tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	3.093 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu:	3.093 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần

(2) Nguyễn Thế Hùng – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thế Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/4/1968
Nơi sinh	Huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
CMND/ Hộ chiếu	121559947
Ngày cấp/Ngày hết hạn	21/6/2002
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 68 đường Cô Giang, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư chế tạo máy
Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần

(3) Bà Thân Thị Hà – Kế toán trưởng

Họ và tên	Thân Thị Hà
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	05/02/1984
Nơi sinh	Xóm Chiền - Xã Nội Hoàng - Huyện Yên Dũng – Tỉnh Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	121516592
Ngày cấp/Ngày hết hạn	30/06/2015
Nơi cấp	CA.Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 73-QL1A- Xã Tân Mỹ -Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(5) Ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp:

Họ và tên	Nguyễn Văn Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/9/1971
Nơi sinh	Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
CMND/ Hộ chiếu	122029516
Ngày cấp/Ngày hết hạn	12/12/2008
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	K41 - Công viên Hoàng Hoa Thám, Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(6) Ông Hoàng Văn Hùng - Giám đốc Xưởng sản xuất:

Họ và tên	Hoàng Văn Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/3/1967
Nơi sinh	Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, T. Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	120926352
Ngày cấp/Ngày hết hạn	3/11/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 125- Đường 398- Tân Mỹ - TP Bắc Giang – T. Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ hóa học
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

Những thay đổi trong Ban điều hành: Ông Phạm Hoàng Hưng miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc theo Quyết định số 385/QĐ-HĐQT, ký ngày 19/10/2022; Ông Nguyễn Tổng Luận bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc theo quyết định số: 386/QĐ-HĐQT, ký ngày 19/10/2022.

➤ Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2022 là 58 người. Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống,... Các Tổ chức

Đảng, tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên của Công ty cũng luôn được quan tâm xây dựng và không ngừng phát triển.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm năm 2022 so với 2021
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	129.357.040.349	118.469.520.626	-8,42%
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.185.968.817	100.776.577.044	52,26%
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-3.727.641.463	15.231.646.540	-508,61%
4. Lợi nhuận khác	27.505.963	-165.198.529	-700,59%
5. Lợi nhuận trước thuế	-3.700.135.500	15.066.448.011	-507,19%
6. Lợi nhuận sau thuế	-3.700.135.500	12.712.425.447	-443,57%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2021	2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,62	3,22
- Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	1,93	2,61
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,26	0,08
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,35	0,09
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	9,76	13,37
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,51	0,85
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,06	0,13
- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	-0,04	0,12
- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,03	0,107
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	-0,06	0,15

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**5.1. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

➤ Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2022):

TT	Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
A	Tổng vốn chủ sở hữu:	84.000.000	100
1	- Cổ đông sáng lập:	19.598.000	23,33
2	- Cổ đông lớn (*):	50.230.000	73,33
3	- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	13.172.000	15,68
4	- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	1.000.000	5,95
B	Trong đó:	84.000.000	100
1	- Nhà nước:	4.000.000	4,76
2	- Người nước ngoài:		
3	- Người Việt Nam khác:	80.000.000	95,24

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2022):

Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	0101328911	999.800	11,90%
CTCP Tập đoàn Tân Long	Tầng 14-Tòa nhà Diamond Flower- Số 48-Đường Lê Văn Khương-KĐT mới N2- Nhân Chính - Thanh Xuân - HN	0102014919	560.000	6,67%
Trương Thị Lan Anh	Vinhomes Riverside	013179956	4.600.000	54,76%
Phạm Huy Hiệu	P216 HH04, Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	0340800027 13	423.000	5,03%

➤ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:**

Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	400.000	4,76%
CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, HN	0101328911	999.800	11,90%
CTCP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Phòng 810 Nhà 18T2, chung cư Trung Hòa, Nhân Chính, P.Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	0102014919	560.000	6,67%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty cổ phần Phân Đạm và Hoá chất Hà Bắc không còn giữ cổ phần chi phối, không là Công ty mẹ của Công ty.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có**II. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

(Đính kèm Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả SX-KD năm 2022; mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023)

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2022	31/12/2022	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	129.357	118.470	-10.887	2,24%
- Tài sản ngắn hạn	27.202	31.984	4.782	17,58%
- Tài sản dài hạn	102.155	86.486	-15.669	-15,34%
Nguồn vốn	129.357	118.470	-10.887	-57,09%
- Nợ phải trả	33.544	9.944	-23.600	-70,36%
- Vốn chủ sở hữu	95.813	108.526	12.713	13,27%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty áp dụng hệ thống quản lý đơn giản hóa về các thủ tục hành chính cho nội bộ Công ty cũng như khách hàng, công việc được thực hiện bằng các quy định cụ thể. Đồng thời, Công ty cũng đã thực hiện kiện toàn quy định, quy chế làm việc, củng cố đội ngũ cán bộ, nhân viên, đầu tư trang thiết bị làm việc để nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc.

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chế độ chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

(Đính kèm Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả SX-KD năm 2022; mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023)

5 Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Xem chi tiết ở phục lục đính kèm (Báo cáo của Hội đồng quản trị)

V. Quản trị Công ty:**1. Hội đồng quản trị:**

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT gồm 5 người trong đó có 4 thành viên không điều hành. Không có thành viên HĐQT độc lập.

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân nắm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Trương Xuân Hoàng Chủ tịch HĐQT		3.600.000	3.600.000	42,86
2	Nguyễn Tổng Luận Thành viên HĐQT	3.093		3.093	0,04
3	Nguyễn Minh Hoà Thành viên HĐQT		423.000	423.000	5,04
4	Nguyễn Thị Thanh Vân Thành viên HĐQT		560.000	560.000	6,67
5	Hà Văn Hùng Thành viên HĐQT		1.000.000	1.000.000	11,9
	Tổng cộng	3.093	5.583.000	5.586.093	66,50

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Các thành viên HĐQT không điều hành đã làm đúng chức năng của mình.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân năm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thuý Nguyên Trưởng ban kiểm soát	0	0	0	0
2	Nguyễn Thị Huyền Thương Thành viên Ban kiểm soát	0	0	0	0
3	Bùi Anh Tuấn Thành viên Ban kiểm soát	0	0	0	0
Tổng cộng		0	0	0	0

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem phụ lục đính kèm (Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Chủ tịch HĐQT thù lao là: 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT thù lao là: 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát thù lao là: 2000.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT thù lao là: 1.500.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS thù lao là: 1.500.000 đồng/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo thông tư số Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính.

VI. Báo cáo tài chính:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Nơi nhận:

- UBCKNN; SGDCKHN;
- Lưu: P.TCKT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tổng Luận

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
về công tác quản trị và kết quả hoạt động năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023;
và định hướng những năm tiếp theo**

Hội đồng quản trị báo cáo về công tác quản trị và kết quả hoạt động năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023 và định hướng những năm tiếp theo như sau:

I- VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022.

A. Tình hình chung.

- Số ngày chạy máy tăng cùng với cải tiến về công nghệ nên sản xuất vượt công suất thiết kế và là năm có sản lượng cao nhất từ trước đến nay. Từ tháng 7, giá bán tăng và giữ ở mức cao, tình hình tiêu thụ sản phẩm tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi đạt hiệu quả cao .

- Xúc tác Paladi ở cuối chu kỳ sử dụng ảnh hưởng đến chất lượng dịch, giá nguyên liệu đầu vào cao. Một số hóa chất nhập khẩu về chậm do dịch Covid 19, ảnh hưởng đến công tác pha dịch bổ sung.

- Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Hội đồng quản trị Công ty đã có chỉ đạo ban điều hành và sửa đổi các quy chế phù hợp để hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra.

B. Công tác chỉ đạo điều hành và giám sát:

Năm 2022, thực hiện theo Điều lệ Công ty và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, HĐQT đã triển khai các công việc sau:

1. Thông qua các Nghị quyết/ Quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	19/QĐ-HPCO	20/01/2022	Quyết định chi thưởng ban quản lý điều hành công ty năm 2020
2	38/QĐ-HĐQT	17/02/2022	Quyết định kế hoạch tổ chức ĐH và thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
3	118/QĐ-HĐQT	30/3/2022	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và người quản lý Công ty năm 2021.
4	120/QĐ-HĐQT	18/4/2022	QĐ tạm hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
5	210/QĐ-HPCO	20/6/2022	QĐ phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2022.

6	211/QĐ-HPCO	20/6/2022	QĐ giao kế hoạch định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất năm 2022.
7	01/NQ-HĐQT	17/6/2022	Nghị quyết phiên họp lần 01/2022 của HĐQT Công ty.
8	201/NQ-HĐQT	23/6/2022	Nghị quyết phiên họp lần 02/2022 của HĐQT Công ty.
9	209/NQ-HĐQT	01/7/2022	Nghị quyết phiên họp lần 03/2022 của HĐQT Công ty.
10	266/NQ-HĐQT	16/9/2022	Nghị quyết phiên họp lần 04/2022 của HĐQT Công ty.
11	384/NQ-HĐQT	19/10/2022	Nghị quyết phiên họp lần 05/2022 của HĐQT Công ty.
12	485/NQ-HĐQT	26/12/2022	Nghị quyết phiên họp lần 06/2022 của HĐQT Công ty.
13	215/QĐ-HĐQT	01/7//2022	QĐ trả tiền công cho thành viên HĐQT.
14	270/QĐ-HĐQT	27/9/2022	QĐ v/v tạm dừng áp dụng một số quy chế nội bộ
15	272/QĐ-HĐQT	27/9/2022	QĐ v/v thành lập phòng Nghiệp vụ tổng hợp
16	273/QĐ-HĐQT	27/9/2022	QĐ v/v sáp nhập phòng KTTH vào Xưởng sản xuất H2O2.
17	274/QĐ-HĐQT	27/9/2022	QĐ v/v đổi tên phòng KTTKTC thành phòng Tài chính kế toán.
18	275/QĐ-HĐQT	27/9/2022	QĐ v/v thôi giao nhiệm vụ kiêm nhiệm chức vụ TP.KTTH đối với ông Nguyễn Thế Hùng – Phó TGĐ Công ty.
19	276/QĐ-HĐQT	30/9/2022	QĐ v/v bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty.
20	287/QĐ-HĐQT	30/9/2022	QĐ v/v ban hành Quy chế mua vật tư
21	385/QĐ-HĐQT	19/10/2022	QĐ v/v miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc công ty ông Phạm Hoàng Hưng
22	386/QĐ-HĐQT	20/10/2022	QĐ v/v bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc công ty ông Nguyễn Tổng Luận
23	438/QĐ-HĐQT	08/12/2022	QĐ v/v đầu tư dây chuyền sang chiết NH3 và sản xuất NH4OH

24	481/QĐ-HPCO	28/12/2022	QĐ v/v ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ
25	482/QĐ-HPCO	28/12/2022	QĐ v/v ban hành Quy chế tài chính
26	486/QĐ-HĐQT	28/12/2022	QĐ v/v phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2022.

2. Kết quả công tác chỉ đạo:

Trong năm 2022, công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty.

3. Kết quả công tác giám sát

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được duy trì thường xuyên. Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến công tác điều hành của Tổng giám đốc Công ty. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị như sau:

a) Đối với Ban Tổng giám đốc Công ty:

Năm 2022, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết vượt qua khó khăn, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách về lao động, tài chính, thị trường hợp lý, từng bước vượt khó khăn thách thức do ảnh hưởng của dịch Covid-19, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

b) Đối với cán bộ quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc:

- Lãnh đạo các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các nhiệm vụ do Tổng giám đốc Công ty triển khai được các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất thực hiện kịp thời.

- Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19, vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào kết quả chung của Công ty.

II. Đánh giá hoạt động của hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023

A. Nhân sự Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần hoá chất Hưng Phát Hà Bắc nhiệm kỳ 2018-2023 được Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2018 bầu gồm có 05 thành viên sau đây:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Chu Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Tổng Luận	Thành viên HĐQT
3	Phạm Hoàng Hưng	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Minh Toàn	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT

Trong nhiệm kỳ 2018-2023, Đại hội đồng cổ đông đã miễn nhiệm, bầu bổ sung một số Thành viên HĐQT, cụ thể:

STT	Năm	Họ và tên	Bầu/miễn nhiệm Thành viên HĐQT
1	Năm 2021 (Kể từ 23/4/2021)	Nguyễn Tổng Luận	Miễn nhiệm
2		Đoàn Như Thương	Bầu
3	Năm 2022 (Kể từ 17/6/2022)	Chu Anh Dũng	Miễn nhiệm
4		Phạm Hoàng Hưng	Miễn nhiệm
5		Đoàn Như Thương	Miễn nhiệm
6		Nguyễn Minh Toàn	Miễn nhiệm
7		Trương Xuân Hoàng	Bầu
8		Nguyễn Tổng Luận	Bầu
9		Nguyễn Minh Hoà	Bầu
10		Hà Văn Hùng	Bầu

B. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018-2023

Một số chỉ tiêu chính:

STT	Các chỉ tiêu	Đvt	2018	2019	2020	2021	2022
1	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	62,125	65,454	73,157	61,937	74,899
2	Sản lượng sản xuất (quy về nồng độ 50%)	Tấn	8.628	9.090	10.160	8.602	10.402
3	Doanh thu bán hàng: - DT Sản phẩm H ₂ O ₂	Tỷ đồng	88,945	75,549	74,145	66,075	94,612
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	24,639	3,763	1,864	(3,700)	15,066
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	6,397	7,846	4,183	2,425	5,896

C. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành.

Trong nhiệm kỳ vừa qua mặc dù có nhiều biến động về nhân sự, trong đó có thay đổi thành viên HĐQT, chủ tịch HĐQT, cũng như Tổng giám đốc Công ty. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành luôn tuân thủ nghiêm Điều lệ Công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, khi cần thiết Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

Hội đồng quản trị đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động SXKD, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. Hội đồng quản trị đã đề nghị Tổng giám đốc Công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

Trong nhiệm kỳ qua, kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty quy định.

II- ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO.

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Giá trị sản lượng	1000 đồng	72.000.000
2	Sản lượng H2O2 (quy về nồng độ 50%)	tấn	10.000
3	Doanh thu	1000 đồng	89.982.000
4	Lợi nhuận trước thuế	“	10.277.924
5	Doanh thu Urê nguyên liệu	1000 đồng	9.300.000
6	Lợi nhuận trước thuế	1000 đồng	14.866.924

2. Định hướng chiến lược dài hạn phát triển công ty

- Khai thác tốt dây chuyền sản xuất H_2O_2 hiện tại, nâng dần thị phần oxy già của Công ty tại thị trường miền Bắc, nâng tỷ trọng sản phẩm loãng trong cơ cấu sản phẩm.
- Triển khai kinh doanh đa ngành, tập trung khai thác các lợi thế hiện có của Công ty, trước mắt kinh doanh thêm sản phẩm NH_3 và nước NH_3 .
- Xây dựng và củng cố mạng lưới phân phối và tiêu thụ sản phẩm bảo đảm phát triển bền vững.
- Tiếp tục nâng cao hiệu lực hiệu quả quản trị Công ty, nâng cao năng lực quản lý điều hành của các cán bộ nhân viên. Tổ chức lại hệ thống quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông trong nhiệm kỳ tiếp theo.

Chúng tôi hứa sẽ cùng Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cố gắng hết sức để hoàn thành các mục tiêu vì sự phát triển của Công ty và lợi ích của cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Trương Xuân Hoàng

Bắc Giang, ngày tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
Về Kết quả SX-KD năm 2022; mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SX-KD NĂM 2022.

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH.

1.1 Thuận lợi.

- Cổ đông lớn tiếp nhận phần vốn từ Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc nên nhân sự quản trị cấp cao và tổ chức quản lý thay đổi căn bản từ tháng 6 năm 2022.

- Do nguồn cấp khí nguyên liệu duy trì ổn định, tăng được số ngày chạy máy cùng với một số cải tiến về công nghệ nên sản lượng sản xuất vượt công suất thiết kế, cao nhất từ trước đến nay.

- Giá bán tăng và giữ ở mức cao từ tháng 7 do ảnh hưởng của tình hình thế giới làm đứt gãy nguồn cung của hàng nhập khẩu.

- Tình hình tài chính lành mạnh, từ tháng 7 công ty đã trả hết nợ gốc vay bằng ngoại tệ của các ngân hàng thương mại.

1.2 Khó khăn.

- Những tháng đầu năm do ảnh hưởng của dịch Covid-19, lao động thiếu hụt vì phải cách ly tại nhà, nhiều cương vị phải đi làm thay, làm thêm giờ, tăng chi phí trả lương thêm giờ.

- Xúc tác vào giai đoạn cuối chu kỳ sử dụng nên ảnh hưởng lớn đến các chỉ tiêu công nghệ.

- Giá nguyên liệu đầu vào cao, khí hydro có thời điểm cấp không đạt chất lượng. Do dịch Covid-19 nên một số hóa chất nhập khẩu về chậm, ảnh hưởng đến công tác pha dịch bổ sung.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN.

2.1 Kết quả thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh.

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2022	Thực hiện năm 2022	So với (%)	
					KH năm	TH 2021
*	Thời gian sản xuất	Ngày	280	307,8	109,9	110,3
I	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	9.000	10.402,6	115,6	120,9
II	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)	tấn	9.000	10.383,5	115,4	116,9
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	64.800.000	74.898.888	115,6	120,9
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	1.792.139	2.762.986	154,2	113,9
IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	16.310.510	2.717.896	16,7	34,5

	<i>Phân bổ vào giá thành SP</i>		4.229.101	2.717.896	64,2	52,5
V	Lao động tiền lương					
	Tổng số lao động BQ năm	người	65	55	84,6	96,5
	Cán bộ quản lý	người	3	3	100	100
	Người lao động	người	62	52	83,9	96,3
	Quy lương	1000 đ	5.724.401	5.911.950	103,3	115,9
	Tiền lương bình quân NLĐ	đ/ng/th	7.694.087	9.474.280	123,1	120,3
VI	Doanh thu bán hàng H₂O₂	1000 đ	71.145.000	94.612.382	133	143,2
VII	Lợi nhuận trước thuế	1000 đ	375.404	15.066.448	401	-

2.2 Công tác điều hành sản xuất.

Công tác quản lý sản xuất: Duy trì sản xuất 308 ngày, ngừng máy 22 lần với 57 ngày, trong đó ngừng máy do thiếu điện hơi từ công ty Đạm là 11 ngày, ngừng máy theo kế hoạch 30 ngày để củng cố sửa chữa thiết bị, ngừng máy do các nguyên nhân khác là 16 ngày. Duy trì sản xuất công đoạn sản phẩm loãng có nhiều ngày chạy máy vượt công suất thiết kế ở mức sản lượng 35 ÷ 36 tấn/ngày.

Không chế nghiêm ngặt các chỉ tiêu công nghệ, thực hiện tốt qui trình qui phạm, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất. Thực hiện đầy đủ các quy định, chính sách về an toàn lao động, vệ sinh cho người lao động.

Các định mức tiêu hao chính đều thấp hơn định mức kế hoạch. Cả năm tiết kiệm giảm định mức tiêu hao được 1.465.391.730 đồng so với kế hoạch.

Công tác quản lý thiết bị: Công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị cơ bản đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất. Việc ngừng sửa chữa được kết hợp trong các dịp công ty Đạm ngừng máy.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm cung cấp ra thị trường luôn đạt chất lượng theo tiêu chuẩn đã công bố, đáp ứng chất lượng cho các ngành sản xuất giấy, dệt may, xử lý môi trường. Chất lượng sản phẩm của Công ty được thị trường chấp nhận, tạo được niềm tin với người sử dụng.

2.3 Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm.

Duy trì chiến lược bán hàng đa phương thức qua các nhà phân phối, bán trực tiếp cho đơn vị sản xuất, bán lẻ tại Công ty. Có chính sách hỗ trợ phù hợp với các nhà phân phối lớn nên hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty được củng cố và giữ ổn định.

Thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt của sản phẩm nhập khẩu, đặc biệt là nguồn nhập khẩu oxy già từ Bangladet. Giá bán được điều chỉnh linh hoạt kịp thời từng thời điểm, tùy thuộc vào phân khúc thị trường và đối tượng sử dụng, bỏ cơ chế bán đồng giá. Giá bán bình quân sản phẩm quy đặc 50% là 9.100 đ/kg. Ưu tiên tiêu thụ sản phẩm tại thị trường miền Bắc và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm loãng (tiêu thụ loại 35% bằng 165% so với năm 2021) làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.4 Công tác tổ chức, lao động và tiền lương.

- Việc bố trí lao động đáp ứng cho sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19, nhiều cương vị phải làm việc ở chế độ 3 ca 3 kíp, phải làm thêm giờ, điều khuyết

các cương vị thiếu người do ở trong diện cách ly. Trong năm 2022 có 03 lao động xin chấm dứt hợp đồng lao động (01 trưởng ca, 01 vận hành DCS và 01 phân tích).

- Tuyển dụng lao động trong năm gặp nhiều khó khăn, đến tháng 10 mới tuyển được 4 lao động bù vào lao động thiếu hụt do thôi hợp đồng lao động.

- Năm 2022 công ty thực hiện sắp xếp lại lao động và mô hình quản lý sản xuất theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối. Tháng 10 họp nhất phòng Tổ chức và Nghiệp vụ với phòng Thị trường thành phòng Nghiệp vụ tổng hợp, chuyển bộ phận kỹ thuật về xưởng sản xuất.

- Tháng 12/2022, công ty phối hợp với Trường cao đẳng kỹ thuật công nghiệp tổ chức lớp đào tạo vận hành máy và thiết bị hoá chất cho 18 người lao động công ty học tập và rèn luyện, nâng cao kiến thức vận hành nhà máy.

- Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương mới phù hợp với thực tế và đóng góp của người lao động trong sản xuất.

- Tiền lương bình quân của người lao động đạt 9,474 triệu đồng/người/tháng tăng 20% so với năm 2021 (*tính cả làm thêm giờ khi chưa tuyển đủ lao động định biên*). Quỹ lương của người lao động đạt 5,911 tỷ đồng (*bằng 116% so với năm 2021*).

- Phối hợp cùng tổ chức Công đoàn duy trì nghiêm các chế độ chính sách cho người lao động.

2.5. Công tác kế hoạch vật tư.

Đã trình Hội đồng quản trị ban hành hàng loạt các quy chế, quy định cho phù hợp với mô hình quản trị mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được Đại hội Cổ đông thông qua, kế hoạch hàng tháng, quý được xây dựng sát với thực tế từng thời điểm được ban hành và triển khai thực hiện.

Công tác quản lý vật tư: Vật tư được sử dụng vừa đủ cho sản xuất, không lãng phí. Duy trì số lượng vật tư tồn kho hợp lý đáp ứng đủ cho sản xuất. Việc quản lý giá vật tư đầu vào (ngoài các vật tư mua từ Công ty Đạm) được thực hiện tốt, đúng Quy định về công tác mua vật tư của Công ty.

2.6. Công tác tài chính.

Để tránh bất lợi về tỷ giá, Công ty đã dồn tiền trả hết nợ gốc vay bằng ngoại tệ từ ngân hàng Vietcombank và ngân hàng Vietinbank từ tháng 7/2022. Chủ động gửi ngân hàng các kỳ hạn từ tiền nhàn rỗi trong tài khoản.

Quản lý chi tiêu thanh toán hợp lý, giảm bớt các hồ sơ thủ tục để xử lý nhanh các nghiệp vụ phát sinh.

Duy trì kỷ luật thanh toán, thu tiền bán hàng đúng hợp đồng nên không có nợ xấu, nợ phải thu luôn ở mức thấp.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2023 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH.

Nhận định năm 2023 sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ có những thuận lợi và khó khăn sau:

- Dự báo giá vật tư nguyên liệu đầu vào trong xu thế tăng mạnh, đặc biệt là điện.

- Xúc tác paladi cần phải thay thế trong Quý II, trong khi đó vừa sản xuất vừa triển khai dự án chiết nạp NH_3 nên ảnh hưởng lớn đến thời gian và phương thức sản xuất sản phẩm H_2O_2 .

- Năm 2023 phải chịu chi phí sửa chữa lớn như: Đại tu máy nén khí Samsung, thay thế lõi lọc hấp phụ khí cuối, mua thay thế 04 tấn xúc tác Paladi làm gia tăng chi phí sản xuất.

- Tình hình thế giới vẫn bất ổn, nhu cầu oxy già dự báo sẽ giảm, giá bán khó giữ được như hiện tại nếu nguồn nhập khẩu không bị đứt gãy.

- Tình hình tài chính lành mạnh, không có chi phí lãi vay và có doanh thu tài chính từ lãi tiền gửi.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu.

(Theo tờ trình kế hoạch SX-KD năm 2023 kèm theo)

3. Các giải pháp thực hiện.

a. Về sản xuất

- Tận dụng tối đa quỹ thời gian khi Công ty Đạm sản xuất bình thường để duy trì sản xuất đạt sản lượng cao nhất. Rút ngắn thời gian ngừng máy sửa chữa bằng biện pháp trang bị đủ dụng cụ công cụ sửa chữa, các hạng mục làm đồng thời được sẽ tiến hành làm đồng thời nếu thiếu lao động, thiết bị có thể thuê ngoài.

- Chủ động dự báo các tình huống, tìm được “bệnh” của dây chuyền để có hướng khắc phục. Duy trì định mức tồn kho tối thiểu với 4 loại hóa chất phải nhập khẩu để chủ động bổ sung cho dây chuyền.

- Kiểm soát các định mức tiêu hao hóa chất, nguyên nhiên vật liệu, kiểm tra hệ thống đo lường đảm bảo phản ánh đúng số liệu tiêu hao thực tế để phục vụ cho điều hành sản xuất và hạch toán nội bộ.

- Mua thay thế 04 tấn xúc tác Paladi, mua vật tư phục vụ bảo dưỡng máy nén khí Samsung, thay thế lõi hấp phụ hệ thống xử lý khí cuối.

- Cấp phát vật tư cho sản xuất theo đúng định mức ban hành. Tiếp tục rà soát vật tư dự phòng đáp ứng cho sản xuất, không để phải ngừng máy do không có vật tư dự phòng thay thế. Có kế hoạch nhập khẩu vật tư chi tiết trong nước không có, triển khai tìm nguồn nhập khẩu để có chi tiết vật tư dự phòng cho sản xuất nhất là các thiết bị động đơn chiếc, không có dự phòng.

b. Về công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm:

- Duy trì hệ thống nhà phân phối hiện tại, tiếp cận mở rộng thêm các khách hàng tiêu dùng trực tiếp. Xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng, tập trung tiêu thụ khu vực phía Bắc và nâng dần tỷ trọng oxy già nồng độ loãng lên trên 30%.

- Cân đối lượng hàng sản xuất với tiêu thụ trên cơ sở không để thiếu hàng cung cấp cho thị trường Miền Bắc và khách hàng ký hợp đồng mua bán trực tiếp với Công ty.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về nhập khẩu Ôxy già, biến động của tỷ giá Đô la Mỹ và giá cả thị trường để có chính sách giá linh hoạt.

c. Về công tác kế hoạch, vật tư, tài chính

- Thường xuyên cập nhật diễn biến giá cả vật tư để quyết định mua hợp lý về giá cả, số lượng và thời điểm. Xây dựng kế hoạch sản xuất bán hàng tháng, quý sát với thực tế nhằm điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

- Kiểm soát công tác mua sắm bảo đảm giá mua vật tư sát với thị trường theo đúng quy định mua vật tư của Công ty.

d. Về công tác lao động, tiền lương và đào tạo

- Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ người lao động, đào tạo để một người có thể đảm nhận được một vài cương vị sản xuất khác nhau, điền khuyết khi có người nghỉ.

- Tuyển dụng thêm lao động có tay nghề, kinh nghiệm trong vận hành dây chuyền NH₃ tùy theo tiến độ dự án chiết nạp NH₃.

- Đảm bảo ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động để người lao động gắn bó với Công ty và bảo đảm an sinh xã hội.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (b/c);
- Lưu VT, NVTH.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tổng Luận

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2022 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022.

Năm 2022 Ban kiểm soát đã thực hiện vai trò giám sát các hoạt động kiểm soát, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cụ thể tập trung vào các vấn đề chính sau:

1.1. Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2. Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT.

1.3. Ban kiểm soát cử người tham gia các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư xây dựng và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

1.4. Xem xét báo cáo tài chính, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như đánh giá ảnh hưởng các vấn đề trọng yếu được nêu trong báo cáo kiểm toán. Đồng thời, giám sát việc thực hiện các kiến nghị do cơ quan kiểm toán đưa ra, từ đó đề xuất kiến nghị các giải pháp phù hợp cho Ban điều hành.

1.5. Giám sát việc thực hiện các quy trình nội bộ. Có ý kiến đóng góp kịp thời để Công ty điều chỉnh và tuân thủ các nguyên tắc theo đúng quy định.

II. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022.

2.1- Căn cứ thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Với các chỉ tiêu tài chính cơ bản Công ty đã thực hiện:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(đơn vị tính: triệu đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tăng(giảm)%
1	Doanh thu thuần	71.145	100.776	142%
2	Lợi nhuận trước thuế	375	15.066	4.000%

2. Bảng cân đối kế toán (dạng rút gọn)

(đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2022	Số đầu kỳ 01/01/2022	Chênh lệch
(a)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
TÀI SẢN			
A. Tài sản ngắn hạn	31.983	27.202	4.781
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.848	13.235	-8.387
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.000		18.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.943	6.230	-3.287
IV. Hàng tồn kho	6.043	7.199	-1.156
V. Tài sản ngắn hạn khác	148	536	-388
B. Tài sản dài hạn	86.485	102.154	-15.669
I. Tài sản cố định	81.676	94.627	-12.951
II. Tài sản dài hạn khác	4.809	7.527	-2.718
Tổng cộng tài sản	118.469	129.357	-10.888
NGUỒN VỐN			
C. Nợ phải trả	9.944	33.543	-23.599
I. Nợ ngắn hạn	9.944	10.384	-440

II. Nợ dài hạn	0	23.159	-23.159
D. Vốn chủ sở hữu	108.525	95.813	12.712
I. Vốn góp của chủ sở hữu	84.000	84.000	0
II. Quỹ đầu tư phát triển	9.385	9.385	0
III. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.139	2.427	12.712
Tổng cộng nguồn vốn	118.469	129.357	-10.888

2.2- Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2022

* Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty TNHH Hằng kiểm toán AASC kiểm toán được lập phù hợp với các quy định hiện hành, đủ độ tin cậy.

III. Giám sát về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban và kiến nghị

3.1 Giám sát về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ, đúng Điều lệ của Công ty; thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông; tổ chức và duy trì các cuộc họp thường kỳ theo quy định của Điều lệ, trong các cuộc họp đều ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc Công ty thực hiện.

- Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nội dung, kết luận của Hội đồng quản trị. Thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch SXKD của Công ty, thực hiện tốt nộp ngân sách Nhà nước; chăm lo đời sống, đảm bảo tiền lương, thu nhập ổn định cho người lao động.

- Các phòng ban nghiệp vụ của Công ty thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao và có sự phối hợp hoạt động tốt, tổ chức xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý, năm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty. Việc mở sổ sách kế toán, tổ chức ghi chép, hạch toán và lưu trữ chứng từ được Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty thực hiện đúng quy định.

3.2 Kiến nghị:

Bước sang năm 2023, Công ty cần tiếp tục phát huy mọi tiềm lực, đẩy mạnh sản xuất. Xây dựng kế hoạch SXKD, đề ra các mục tiêu, giải pháp cụ thể nhằm đạt được các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra. Phát huy năng lực của máy móc, thiết bị đã đầu tư, sửa chữa. Có chiến lược và cơ chế thích hợp để giữ vững và

phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Định hướng phát triển tốt cho sản phẩm mới.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2023

Căn cứ định hướng về kế hoạch kinh doanh của Công ty, BKS xác định phương hướng hoạt động năm 2023 tập trung vào các nội dung sau:

- 4.1. Tăng cường nâng cao hoạt động giám sát tuân thủ đối với các nội dung yêu cầu của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Công ty
- 4.2. Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 4.3. Cử người tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT để nắm bắt và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.
- 4.4. Tổ chức xem xét kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính năm 2023.
- 4.5. Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.
- 4.6. Thực hiện các công tác khác theo quy định.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của ban kiểm soát, kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT Cty;
- Giám Đốc CTy;
- Các TV BKS;
- Lưu BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thúy Nguyễn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 27 tháng 10 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Xuân Hoàng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Ông Chu Anh Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Ông Nguyễn Minh Hòa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Ông Hà Văn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Ông Nguyễn Tổng Luận	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Ông Đoàn Như Thương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Ông Phạm Hoàng Hưng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tổng Luận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022
Ông Phạm Hoàng Hưng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Nguyễn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Bà Nguyễn Thu Nga	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2022
Ông Bùi Anh Tuấn	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tổng Luận
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 22 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 01 tháng 03 năm 2022.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc *[initials]*

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Lê Văn Hưng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3953-2023-002-1

05-
TY
HUU
MT
SC
A-T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		31.983.590.732	27.202.138.499
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.848.018.224	13.235.515.095
111	1. Tiền		4.848.018.224	6.441.474.732
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	6.794.040.363
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	18.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		18.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.943.320.389	6.230.829.550
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	66.845.600	5.749.979.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.154.118.001	103.607.831
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	722.356.788	377.242.119
140	IV. Hàng tồn kho	8	6.043.564.569	7.199.352.001
141	1. Hàng tồn kho		6.043.564.569	7.199.352.001
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		148.687.550	536.441.853
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	217.736.019
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	148.687.550	318.705.834
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		86.485.929.894	102.154.901.850
220	II. Tài sản cố định		81.676.041.003	94.627.117.203
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	81.676.041.003	94.627.117.203
222	- Nguyên giá		205.722.266.960	205.722.266.960
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(124.046.225.957)	(111.095.149.757)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.809.888.891	7.527.784.647
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.809.888.891	7.527.784.647
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		118.469.520.626	129.357.040.349

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.944.042.094	33.543.987.264
310	I. Nợ ngắn hạn		9.944.042.094	10.384.056.459
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.290.877.033	3.131.888.044
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	67.968.600	45.010.990
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.902.439.211	63.315
314	4. Phải trả người lao động		1.309.697.499	284.286.948
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	69.054.000	623.160.451
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.288.581.851	1.101.005.761
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	-	3.405.862.050
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.015.423.900	1.792.778.900
330	II. Nợ dài hạn		-	23.159.930.805
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	-	23.159.930.805
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		108.525.478.532	95.813.053.085
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	108.525.478.532	95.813.053.085
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		84.000.000.000	84.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		9.385.990.951	9.385.990.951
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.139.487.581	2.427.062.134
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.427.062.134	6.127.197.634
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		12.712.425.447	(3.700.135.500)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		118.469.520.626	129.357.040.349

Đặng Thị Mai Hương

Thân Thị Hà



Đặng Thị Mai Hương
Người lập biểu
Bắc Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Thân Thị Hà
Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Tổng Luận
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	100.776.577.044	66.185.968.817
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		100.776.577.044	66.185.968.817
11	4. Giá vốn hàng bán	20	78.262.416.374	62.792.529.952
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.514.160.670	3.393.438.865
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	262.560.363	524.690.150
22	7. Chi phí tài chính	22	1.182.948.482	1.733.971.430
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		713.127.837	1.733.971.430
25	8. Chi phí bán hàng	23	955.199.702	1.687.485.856
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.406.926.309	4.224.313.192
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.231.646.540	(3.727.641.463)
31	11. Thu nhập khác	25	31.883.600	27.505.963
32	12. Chi phí khác	26	197.082.129	-
40	13. Lợi nhuận khác		(165.198.529)	27.505.963
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.066.448.011	(3.700.135.500)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.354.022.564	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.712.425.447	(3.700.135.500)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.513	(440)



Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2023


Thân Thị Hà

Trưởng phòng Kế toán



Nguyễn Tổng Luận



Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Năm 2022
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.066.448.011	(3.700.135.500)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.951.076.200	12.959.228.299
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(323.046.250)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(262.560.363)	(201.643.900)
06	- Chi phí lãi vay		713.127.837	1.733.971.430
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.468.091.685	10.468.374.079
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.753.534.207	(3.128.245.449)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.155.787.432	1.447.196.081
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.411.142.372	(345.278.145)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.717.895.756	(2.690.200.370)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(732.526.288)	(1.741.366.902)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		73.881.810	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.200.000	(775.521.600)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(782.555.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		36.070.451.974	3.234.957.694
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.000.000.000)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		110.407.810	214.422.981
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.889.592.190)	214.422.981
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(26.565.792.855)	(10.268.835.450)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.563.800)	(1.179.451.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.568.356.655)	(11.448.287.250)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.387.496.871)	(7.998.906.575)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.235.515.095	21.234.421.670
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		4.848.018.224	13.235.515.095



Đặng Thị Mai Hương Thân Thị Hà Nguyễn Tổng Luận
 Người lập biểu Trưởng phòng Kế toán Tổng Giám đốc
 Bắc Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 27 tháng 10 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 84.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 84.000.000.000 VND; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 57 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 54 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

So với năm 2021, sản lượng tiêu thụ các loại sản phẩm oxy già trung bình tăng 16,17%, giá bán bình quân sản phẩm quy về nồng độ 50% tăng 22,5%. Năm 2022, Công ty ưu tiên tiêu thụ sản phẩm tại thị trường miền Bắc nhằm giảm chi phí hỗ trợ vận chuyển, đồng thời đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm loãng để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Do vậy, năm 2022 doanh thu bán hàng, lãi gộp tăng mạnh, lợi nhuận sau thuế trong năm tăng cao so với năm 2021.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 36 tháng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí hỗ trợ vận chuyển, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22. Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh H₂O₂ và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	174.406.991	298.336.581
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.673.611.233	6.143.138.151
- Các khoản tương đương tiền	-	6.794.040.363
	<u>4.848.018.224</u>	<u>13.235.515.095</u>

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	18.000.000.000	-	-	-
	18.000.000.000	-	-	-

Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 18.000.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 8,3%/năm đến 10,5 %/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	-	-	1.595.887.200	-
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Long Biên	-	-	98.868.000	-
	-	-	1.694.755.200	-
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH Công nghệ Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	66.845.600	-	811.221.400	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất và Môi trường An Phú	-	-	658.363.200	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hóa Cảnh	-	-	552.135.800	-
- Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	-	-	440.618.200	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	-	1.592.885.800	-
	66.845.600	-	4.055.224.400	-
	66.845.600	-	5.749.979.600	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Lạng Sơn	-	-	81.607.681	-
- Công ty TNHH MTV Chinh Thảo Hiếu Thắng	1.500.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nano Ứng dụng	545.424.000	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	108.694.001	-	22.000.150	-
	2.154.118.001	-	103.607.831	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	160.528.767	-	8.376.214	-
- Tạm ứng	470.480.000	-	304.200.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.500.000	-	1.500.000	-
- Phải thu khác	89.848.021	-	63.165.905	-
	722.356.788	-	377.242.119	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
<i>Bên liên quan</i>				
- Bà Thân Thị Hà	100.000.000	-	-	-
	100.000.000	-	-	-
<i>Bên khác</i>				
- Phải thu tạm ứng Ông Đặng Đình Phúc	350.480.000	-	279.200.000	-
- Các đối tượng khác	271.876.788	-	98.042.119	-
	622.356.788	-	377.242.119	-
	722.356.788	-	377.242.119	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	4.825.995.931	-	6.245.891.833	-
- Công cụ, dụng cụ	4.287.000	-	6.037.000	-
- Thành phẩm	1.213.281.638	-	947.423.168	-
	6.043.564.569	-	7.199.352.001	-

31
 CÔNG
 HƯNG
 PHÁT
 HÀ
 BẮC

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		TSCD khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	201.809.091	205.722.266.960					
Số dư cuối năm	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	201.809.091	205.722.266.960					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	9.229.769.963	101.327.627.478	345.454.545	192.297.771	111.095.149.757					
- Khấu hao trong năm	993.334.601	11.951.401.075	-	6.340.524	12.951.076.200					
Số dư cuối năm	10.223.104.564	113.279.028.553	345.454.545	198.638.295	124.046.225.957					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	16.824.873.150	77.792.732.733	-	9.511.320	94.627.117.203					
Tại ngày cuối năm	15.831.538.549	65.841.331.658	-	3.170.796	81.676.041.003					

Trong đó:

- Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 753.782.462 VND

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
	4.809.888.891	7.527.784.647
	<u>4.809.888.891</u>	<u>7.527.784.647</u>

11. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.405.862.050	3.405.862.050	23.159.930.805	26.565.792.855	-	-
	<u>3.405.862.050</u>	<u>3.405.862.050</u>	<u>23.159.930.805</u>	<u>26.565.792.855</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	26.565.792.855	26.565.792.855	-	26.565.792.855	-	-
	<u>26.565.792.855</u>	<u>26.565.792.855</u>	<u>-</u>	<u>26.565.792.855</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.405.862.050)	(3.405.862.050)	(23.159.930.805)	(26.565.792.855)	-	-
	<u>23.159.930.805</u>	<u>23.159.930.805</u>			<u>-</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

Loại tiền	Lãi suất năm	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2022	01/01/2022
USD	7%/năm	Thanh toán công nợ cho nhà thầu Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.	VND	VND
				-	13.047.599.775
USD	4,5%/năm	Thanh toán công nợ cho nhà thầu xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm.	-	13.518.193.080

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang

-	26.565.792.855
-	(3.405.862.050)
-	23.159.930.805

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.290.877.033	3.290.877.033	3.131.888.044	3.131.888.044
	3.290.877.033	3.290.877.033	3.131.888.044	3.131.888.044

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Việt Nam	-	22.080.000
- Công ty TNHH TMXNK Hóa chất và Phân bón Vạn Tiến Phát	20.600.400	17.783.400
- Công ty Cổ phần Thế giới Đá khô	4.272.000	4.272.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ý Cường Thịnh	16.458.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Trang Anh	23.725.440	-
- Người mua trả tiền trước khác	2.912.760	875.590
	67.968.600	45.010.990

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.298.054.640	2.762.896.248	-	535.158.392
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.881.810	-	2.427.904.374	-	-	2.354.022.564
Thuế thu nhập cá nhân	-	63.315	71.145.386	57.950.446	-	13.258.255
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	244.824.024	-	96.136.474	-	148.687.550	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	318.705.834	63.315	5.896.240.874	2.823.846.694	148.687.550	2.902.439.211

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	19.398.451
- Chi phí hỗ trợ vận chuyển	48.054.000	582.762.000
- Chi phí bảo vệ	21.000.000	21.000.000
	69.054.000	623.160.451

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	56.644.067	60.279.144
- Bảo hiểm xã hội	148.706	148.706
- Quỹ khen thưởng Ban Giám đốc và các quỹ công đoàn	61.653.976	61.653.976
- Quỹ thưởng Ban điều hành	28.227.101	86.625.544
- Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	48.575.706	86.257.524
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	606.567.240	609.131.040
- Nguyên liệu, vật tư chưa có hóa đơn	471.887.337	182.032.109
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.877.718	14.877.718
	1.288.581.851	1.101.005.761
b) Chi tiết theo đối tượng		
<i>Bên khác</i>		
- Các đối tượng khác	1.288.581.851	1.101.005.761
	1.288.581.851	1.101.005.761

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	9.385.990.951	6.885.925.134	100.271.916.085
Lỗi trong năm trước	-	-	(3.700.135.500)	(3.700.135.500)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(758.727.500)	(758.727.500)
Số dư cuối năm trước	84.000.000.000	9.385.990.951	2.427.062.134	95.813.053.085
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	9.385.990.951	2.427.062.134	95.813.053.085
Lãi trong năm nay	-	-	12.712.425.447	12.712.425.447
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	9.385.990.951	15.139.487.581	108.525.478.532

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	4.000.000.000	4,76%	54.230.000.000	64,56%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	9.998.000.000	11,90%	9.998.000.000	11,90%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	5.600.000.000	6,67%	5.600.000.000	6,67%
Ông Phạm Huy Hiệu	4.230.000.000	5,04%	-	0,00%
Bà Trương Thị Lan Anh	46.000.000.000	54,76%	-	0,00%
Các cổ đông khác	14.172.000.000	16,87%	14.172.000.000	16,87%
	84.000.000.000	100%	84.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	84.000.000.000	84.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	84.000.000.000	84.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	609.131.040	1.788.582.840
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(2.563.800)	(1.179.451.800)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(2.563.800)	(1.179.451.800)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	606.567.240	609.131.040

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.400.000	8.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.400.000	8.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.385.990.951	9.385.990.951
	9.385.990.951	9.385.990.951

18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Thọ Xương - Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 14.623,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	6.164.194.544	110.051.817
Doanh thu bán thành phẩm	94.612.382.500	66.075.917.000
	100.776.577.044	66.185.968.817
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	52.750.668.000	37.956.074.000

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.120.844.546	110.051.816
Giá vốn của thành phẩm đã bán	72.141.571.828	62.682.478.136
	78.262.416.374	62.792.529.952
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	42.116.394.244	25.858.254.566

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	262.560.363	201.643.900
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	323.046.250
	262.560.363	524.690.150

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	713.127.837	1.733.971.430
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	469.820.645	-
	1.182.948.482	1.733.971.430

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	404.371.022	347.841.856
Chi phí khác bằng tiền	550.828.680	1.339.644.000
	955.199.702	1.687.485.856

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	175.218.800	46.925.847
Chi phí nhân công	3.235.840.863	2.697.610.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.689.300	129.841.399
Thuế, phí, lệ phí	108.391.771	77.196.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.644.524	419.040.000
Chi phí khác bằng tiền	1.244.141.051	853.699.206
	5.406.926.309	4.224.313.192

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

	54.668.016	-
--	-------------------	---

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Xử lý vật tư không có chứng từ hoàn ứng	27.183.600	24.706.000
Thu nhập khác	4.700.000	2.799.963
	31.883.600	27.505.963

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	178.607.129	-
Chi phí khác	18.475.000	-
	197.082.129	-

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	15.066.448.011	(3.700.135.500)
Các khoản điều chỉnh tăng	300.900.311	99.454.545
- Chi phí không hợp lệ	197.082.129	-
- Thù lao HĐQT	103.818.182	99.454.545
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.597.235.500)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.597.235.500)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.770.112.822	(3.600.680.955)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.354.022.564	-
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	73.881.810	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(73.881.810)	(73.881.810)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	2.354.022.564	(73.881.810)

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.712.425.447	(3.700.135.500)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.712.425.447	(3.700.135.500)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.513	(440)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.517.556.543	42.779.337.104
Chi phí nhân công	8.908.696.793	7.566.417.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.951.076.200	12.959.228.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.488.865.271	1.865.166.636
Chi phí khác bằng tiền	1.903.361.502	1.192.733.837
	78.769.556.309	66.362.883.545

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	4.848.018.224	-	-	4.848.018.224
Phải thu khách hàng, phải thu khác	789.202.388	-	-	789.202.388
Các khoản cho vay	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
	23.637.220.612	-	-	23.637.220.612
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.235.515.095	-	-	13.235.515.095
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.127.221.719	-	-	6.127.221.719
	19.362.736.814	-	-	19.362.736.814

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.579.458.884	-	-	4.579.458.884
Chi phí phải trả	69.054.000	-	-	69.054.000
	4.648.512.884	-	-	4.648.512.884
Tại ngày 01/01/2022				
Vay	3.405.862.050	23.159.930.805	-	26.565.792.855
Phải trả người bán, phải trả khác	4.232.893.805	-	-	4.232.893.805
Chi phí phải trả	623.160.451	-	-	623.160.451
	8.261.916.306	23.159.930.805	-	31.421.847.111

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (*)	Công ty mẹ
Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Long Biên	Cổ đông góp vốn
Bà Thân Thị Hà	Kế toán trưởng

(*) Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc bắt đầu thoái vốn trong năm 2022. Tại ngày 02/03/2023 Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc chỉ là cổ đông góp vốn, không còn là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên. Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày đầu năm, kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, dịch vụ	52.750.668.000	37.956.074.000
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	614.505.000	3.111.034.000
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Long Biên	52.136.163.000	34.845.040.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	42.116.394.244	25.858.254.566
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	42.116.394.244	25.858.254.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.668.016	-
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	54.668.016	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021	
	VND	VND	
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
- Ông Trương Xuân Hoàng	Chủ tịch HĐQT	35.227.273	-
- Ông Chu Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	10.000.000
- Ông Nguyễn Minh Hòa	Ủy viên HĐQT	15.818.182	-
- Ông Hà Văn Hùng	Ủy viên HĐQT	42.533.121	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy viên HĐQT	72.210.287	32.000.000
- Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên HĐQT	14.181.818	36.000.000
- Ông Nguyễn Tổng Luận	Tổng Giám đốc	136.543.159	6.000.000
- Ông Phạm Hoàng Hưng	Tổng Giám đốc	304.514.513	408.030.583
- Ông Đoàn Như Thương	Ủy viên HĐQT	-	4.000.000
- Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc	300.455.372	313.687.300
- Bà Nguyễn Thúy Nguyên	Trưởng BKS	15.818.182	-
- Bà Nguyễn Thu Nga	Trưởng BKS	-	10.000.000
- Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Thành viên BKS	11.613.636	-
- Ông Bùi Anh Tuấn	Thành viên BKS	57.368.230	18.800.000
- Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên BKS	30.693.232	254.473.142

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh kiểm toán.



Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2023



Thân Thị Hà

Trưởng phòng Kế toán



Nguyễn Tổng Luận

Tổng Giám đốc